

ASIAN ART IN THE WALTERS ART MUSEUM
WILLIAM AND HENRY WALTERS: PIONEER COLLECTORS
AND PROMOTERS OF THE ARTS OF ASIA
WILLIAM R. JOHNSTON

Bảo tàng nghệ thuật Walters

William và Henry Walters: Những nhà sưu tập tiên phong và những người xúc tiến nghệ thuật Châu Á

WILLIAM R. JOHNSON



7 Các tác phẩm được trưng bày tại Triển lãm Quốc tế- London 1862, thạch bản của J.B. Waring, Văn thư lưu trữ của Walters.

William Walters: Nhà sưu tập Hoa Kỳ tiên phong đối với nghệ thuật Châu Á

Khi cuộc nội chiến Mỹ nổ ra vào năm 1861, William Walters (1819-1894), một thương nhân bán rượu whisky ở Baltimore và nhà đầu tư vào ngành đường sắt, đối mặt với khó khăn giống như rất nhiều đồng bào của ông. Mặc dù sinh ra ở Pennsylvania, những lợi ích tài chính của ông lại nằm ở cả miền Bắc và miền Nam. Sau khi tuyên bố chính thức sự đồng cảm với những người ly khai, ông quyết định rời khỏi thành phố, đưa gia đình tới Châu Âu trong bốn năm chiến tranh. Đi cùng ông là vợ của ông, Ellen (1822- 1862), và các con ông Henry (1848-1931) và Jennie (1853-1922). Họ chọn Paris làm điểm đến của mình; ở đó, một người lưu vong từ Baltimore, George A. Lucas (1824-1909), đã đưa họ tới những bảo tàng, đài kỷ niệm, các phòng trưng bày và triển lãm của rất nhiều nhạc sĩ. Là một người sống định cư tại Paris, Lucas sau đó đại diện cho gia đình Walter ở nước ngoài trong rất nhiều vấn đề, ví dụ như làm đại lý mua tác phẩm nghệ thuật. Trong khi ở Châu Âu, William Walters tiếp tục khám phá thị trường nghệ thuật Pháp đương đại, một lĩnh vực mà ông đã quan tâm trước khi đến đây, nhưng, thêm vào đó, ông đã thực sự hứng thú đối với nghệ thuật của Trung Quốc và Nhật Bản và sẽ trở thành một trong những nhà sưu tập người Mỹ sưu tập trong lĩnh vực này.



8 Bình được thiết kế để làm ống điếu, Trung Quốc, triều Thanh, đời Khanh Hy, 1662-1722, nắp đồng thau Qajar, chiều cao 17,2 cm. Trong bộ sưu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Walters (49.1150)

Paris cung cấp cơ hội to lớn để tiếp cận các tác phẩm Châu Á. Bảo tàng Louvre trưng bày đồ sứ Trung Quốc và sơn mài Nhật Bản, đã được nhập khẩu trong suốt thời kỳ trước cách mạng Pháp và thường có nhiều đồ đồng thếp vàng hay đồ gia dụng. Thêm vào đó, trong những phòng trưng bày nghệ thuật của mình, Paris cũng diện những chiến lợi phẩm của đế quốc Pháp, bao gồm, đáng chú ý nhất là, những vật gắn đây thuộc sở hữu của Theodore de Lagrene (1800-1860), nhà đàm phán Hiệp định Whampoa năm 1844, và bởi Admiral Rigault de Genouilly (1807- 1873), một người tham gia vào cuộc xâm chiếm của Anh- Pháp vào khu vực Canton năm 1857. Những vật thể này bao gồm những loại như đồ tạp phẩm, khung giường, các vật thể thờ cúng và đồ gia dụng- trong số đó có rất nhiều đồ sứ¹. Đâu đó, ở khu vực ngoại thành, các vật thể này có thể được nhìn thấy ở Nhà máy sản xuất đồ sứ Trung Quốc và Nhật Bản Servès, đã được mua lại bởi Alexandre Brongniart (1770-1847), người trước kia làm giám đốc của nhà máy. Một trong các bộ sưu tập tư nhân có thể tiếp cận vào thời điểm này thuộc về Count J.-A. Pourtales-Corgier. Người bạn George Lucas của Walter đã ghi lại trong nhật ký của ông chuyến đi tới *hôtel* của bá tước ở The Rue Tronchet, khu vực trưng bày một dãy lớn

¹ Calignani's *New Paris Guide*, Paris, 1877, trang 147.

các bức tranh Old Master cũng như những *objets d'art* (đồ nghệ thuật), bao gồm các đồ sơn mài của Nhật Bản, đồng thau của Trung Quốc và Nhật Bản và đồ sứ thời Thanh.

William và Ellen Walters ghé qua Triển lãm Quốc tế được tổ chức ở London năm 1862. Nhật Bản và Trung Quốc đều không tham gia một cách chính thức, nhưng cả 2 quốc gia đều được đại diện bởi các tác phẩm được mượn từ những nhà ngoại giao và binh sĩ Anh, những người đã làm việc ở Đông Á. Trong số 25 tác phẩm trưng bày trong khu vực khiêm tốn của Trung Quốc là một tấm bình phong trạm trổ có lẽ được cướp từ Cung điện mùa Hè Cổ vào năm 1860 và một cái sọ “được làm bằng vàng” được cho là của Khổng tử; ngoài ra, còn có một số đồ sành sứ, đồ ngà được chạm khắc, ngọc bích và đồ đồng. Được công nhận là phần trưng bày Nhật Bản được cho là tham vọng hơn nhiều là của ngài Rutherford Alcock (1809- 1897), một nhà vật lý học chuyên sang làm ngoại giao, người đã phục vụ như “đặc phái viên và công sứ đặc mệnh toàn quyền ở Tòa án Tướng Nhật Bản” từ năm 1858 tới 1864. Trong 632 vận phẩm từ Nhật Bản trong phòng công nghiệp của triển lãm là những ví dụ về đồ sơn mài, đồ gỗ, đồ kim loại, ngà voi, các bản in và cuốn sách (7).

William Walters trở về Baltimore mà không thăm vợ của mình, người đã mất vì bệnh lao phổi trong khi họ sống ở London. Có lẽ chính là để trả giá cho mất mát của mình mà ông đã nuôi dưỡng một mối quan hệ tương đối gần gũi với con trai mình, Henry, người có thể chia sẻ niềm đam mê sưu tập và cuối cùng thừa kế cả bộ sưu tập lẫn doanh nghiệp tài chính của ông.

Mùa xuân năm 1867, William đã tham dự lễ khánh thành Paris Exposition Universelle. Lần đầu tiên Nhật hoàng chính thức tham gia một sự kiện như vậy đánh dấu sự hồi sinh của trang trại Nhật Bản và một “gian hàng của sự phối hợp theo phong cách *daimyo*”. Hàng nghìn đồ vật đại diện cho tất cả các khía cạnh cuộc sống của Nhật Bản được trưng bày ở tòa nhà chính. Sau khi cuộc triển lãm kết thúc, rất nhiều trong số những vật này được phân tán ở Paris. Ngày 31 tháng 10, ngày bế mạc, William yêu cầu người bạn Lucas của mình mua một ngà voi trạm trổ Nhật Bản, một vụ mua bán nhỏ khẳng định sự bắt đầu của bộ sưu tập Châu Á của Walters.²

Hội chợ thế giới tiếp theo được tổ chức ở Viên năm 1873, William mất 6 tháng ở nước ngoài trong năm đó để đi du lịch dưới hai chức danh: “Như chủ tịch của hội đồng tác phẩm nghệ thuật” cho Phòng trưng bày Nghệ thuật Corcoran ở Washington, DC, và như Ủy viên Danh dự của Hoa Kỳ ở *Weltaustellung*. Trong dịp này, đế chế Trung Quốc đã trưng bày các đồ đặc và đồ sứ, những vật được nhận một cách nhiệt tình bởi báo chí phương Tây. Walters đã ngưỡng mộ đặc biệt đối với bộ đồ sứ đời Thanh trong các khung kim loại Ba Tư được cho là có nguồn gốc từ trước năm 1630. Những vật này đã được cho mượn bởi “Hoàng tử Ehtezadesaltanet”- đức vua của Ba Tư. Mặc dù, trên thực tế, những vật này được làm vào thế kỷ 18, Walter đã mua một ấm điều sứ màu nâu có đáy làm bằng kim loại Qajar từ hoàng tử Ba Tư (8).

² *The Diary of George A. Lucas: An American Art Agent in Paris, 1857-1909*, được chép lại bởi Lilian M.C. Randall, Princeton, 1979, Quyển 2, trang 252.



(9) Ấm long trà, làm bởi Miyata Nobukiyo (817- 1884), Nhật Bản, khoảng năm 1876, bạc có dát vàng, cao 12,5 cm. Su rụ tập của Bảo tàng Nghệ thuật Walters

Ba năm sau, ở Triển lãm Quốc tế Philandenphia 100 năm tuổi, William Walters đã bắt đầu một chiến lược mua sắm chính cùng với Henry- 28 tuổi- người đã ghi lại vào một cuốn sổ nhỏ hơn 400 món đồ Nhật Bản và 100 món đồ Trung Quốc mà họ đã mua được. Họ đang cạnh tranh với các tổ chức lớn khác, trong đó có Bảo tàng Nam Kensington và Bảo tàng Philadelphia và Trường Nghệ thuật Công nghiệp, những người tiên nhiệm của Bảo tàng Victoria và Alber ở London và Bảo tàng Nghệ thuật Philadelphia. Thêm vào đó, họ nằm trong những nhóm quan trọng những nhà sưu tập cá nhân, đáng chú ý nhất là Henry O.Havemeyer (1847-1907) ở New York và Tướng Hector Tyndale (1821-1880) ở Philadelphia. Tương tự, nhà thiết kế người Anh Christopher Dresser (1834-1904), đại diện cho công ty trang sức

Tiffany&Co., đã mua rất nhiều vào năm đó; bộ sưu tập của ông sau đó được bán đấu giá ở New York.

Phái đoàn Nhật Bản, đứng đầu là Okubo Toshimichi (1830-1878), một nhà lãnh đạo của Phong trào Khôi phục Minh Trị và là bộ trưởng bộ Nội vụ, và trung tướng Saigo Tsugumichi (1843-1902), chịu trách nhiệm buổi triển lãm đặc biệt ấn tượng ở Philadelphia. Triển lãm này thêm một lần nữa bao gồm 2 tòa nhà được gắn vào với nhau, một cho việc ở của phái đoàn và một quầy hàng có quán trà trong vườn. Được trưng bày trong tòa nhà chính của triển lãm là đồ sứ, điêu khắc ngà, đồ tre và rom, và các mẫu vật động vật và khoáng thạch. Henry Walters đã liệt kê ba nhà buôn đồ nghệ thuật Nhật Bản, Minoda Chojiro, Kanesaburo Wakai (1834- 1908), và một người bán chỉ được xác định là “Yamada”. Ông đề cập tới rất nhiều tác phẩm sơn mài, ám chỉ cả các bình đựng (container) và indo, và cũng bao gồm cả những ví dụ về tác phẩm kim loại bằng đồng, bạc (9), và sắt với trang trí *sakudo* và *shibuichi*; đồ gốm, đáng chú ý nhất là đồ gốm sứ đặc thù đồ sứ “Hizen” (từ Arita), và một vài “bức tranh”, cả các bức tranh cổ lẫn những bức tranh được thực hiện bởi bản thân nhân viên của Minoda Chojiro.

Những chú giải (notation) của Henry cũng như những miếng giấy dán được gắn vào một số vật thể đã giúp xác định một vài đồ được mua vào năm 1867. Trong đó có một tủ màu đen và nạm vàng, một *ko-awase dogui-dana*, dùng trong trò chơi hương được gọi là kodo (10). Nó được khảm chất cứng có hình vân trai (mother-of-pearl) và san hô và được trang trí bằng hoa mận, tre và cây thông, gà lôi, diệc, và cò, trên nền đá. Henry, ghi lại việc mua lại từ Minoda Chojiro, đã viết một cách khó hiểu “318 Lac box square blk pines 250 yrs...” ám chỉ một chiếc hộp đựng tài liệu vào cuối thế kỷ 18 hoặc đầu thế kỷ 19, hoặc *rioshi-bako* (11). Xuất hiện trên nắp và hai bên của nó là quang cảnh những cây thông non và hoa được bao phủ một phần bởi những lớp sương. Trong số những vật hiếm hơn mua được vào năm 1876 là một chiếc **cốc** vàng và bạc được tráng men có ghi “được chứng nhận bởi Gen-o sống ở Kanazawa quận Kaga, trương đây thuộc dòng samurai, Đại Nhật Bản (*Dainihon shizoku Kaga-kuni Kanazawa-ju Gen-o jimei*) (12). Nó được trang trí bởi các đám mây Trung Quốc và được cách điệu hóa bằng hoa màu xanh da trời, xanh lục và trắng và được chảm phá bằng vàng (*chakin*), thể hiện tay nghề cao mà người thợ thủ công đã đạt đến.



10. Tủ trưng bày (*ko-awasse dogui-dana*), Nhật Bản, thời kỳ Edo hoặc Minh Trị, thế kỷ 18-19, sơn mài bạc, vàng và đen khảm chất cứng có hình vân trai và san hô, chiều cao 25,8 cm. Bộ sưu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Walters.



11. Hộp đựng tài liệu (*ryoshi- bako*) Nhật Bản, thời kỳ Minh trị, thế kỷ 19, sơn mài bạc vàng và đen, chiều cao 10,9 cm. Suu tập của Bảo tàng Nghệ Thuật Walters

Người ta biết ít hơn về việc mua lại các đồ từ Trung Quốc của ông vào năm đó, nhưng Henry đã chỉ ra 4 nguồn: Hu Kwang Yung và Ho Kan Chen, cả hai là nhà buôn, Huang-li Chen và một người phương Tây có tên Esmondhouse. Trong cuốn sổ của ông, ông viết về những đồ sứ, miêu tả chúng theo màu sắc và nói một cách đặc biệt tới một ví dụ lớn của đồ sứ rạn da.

Trước khi tham gia Triển lãm Quốc tế Paris (Paris Exposition Universelle) năm 1878, William Walter đã đến các Quốc gia vùng Thấp và Đức, thăm các địa điểm nổi tiếng với các bộ sưu tập của Châu Á. Ghi chép hành trình của ông bao gồm việc dừng chân ở Brussels để xem bộ sưu tập đồ sứ của Paul Moren mà ông đã mua được ít nhất là một vật trong đó (13); “Bảo tàng Nhật Bản” nổi tiếng ở Hague; Leiden, nơi Phillip Franz von Siebold đã mở bảo tàng sưu tập Nhật Bản của ông vào năm 1837; và Dresden, địa điểm ở Johanneum, trong đó trưng bày 90 nghìn hiện vật đồ gốm của Châu Âu và Châu Á, ban đầu được cóp nhặt bởi Augustus II the Strong (1670- 1733), mới được mở cửa lại. Tháng 7 năm đó, ông đã trở lại Paris để dự Triển lãm. Những hóa đơn còn lại đến ngày nay chỉ ra rằng Walters đã bảo trợ công ty Grande Compagnie Kôchô-Kouaicha, một công ty buôn bán vật đến từ cả Trung Quốc và Nhật Bản, đứng đầu là Matsuo Gisuke và Wakai Kenesaburo, công ty lúc đó đã có một chi nhánh ở New York. Với \$2752,5, Walters đã mua 130 vật phẩm, trong đó có đồ sơn mài của Nhật; các đồ gốm sứ đặc thù của Satsuma, Imari, Kutani và Hirado; cũng như đồ sứ Trung Quốc. Đồ sứ Trung Quốc thường được gọi là đồ sứ đặc thù “Nankin”, có nghĩa là Nam Kinh, cảng nơi đồ được xuất khẩu.

Tới thời điểm này, Paris đã có rất nhiều điểm bán đồ mỹ nghệ Châu Á. George A. Lucas đã ghi lại vào nhật ký của ông những cuộc viếng thăm của họ tới những nhà buôn bao gồm Wakia

(sic) (chi nhánh Paris của Wakai Kenesaburo ở Boulevard de Capucines), Philippe Sichel (1839 hoặc 1840-1889) và anh trai của ông là Auguste, người bắt đầu nhập khẩu hàng hóa sau chuyến đi tới Nhật Bản vào cuối những năm 1860, và Siegfried Bing (1838-1905) người có anh rể, một nhà ngoại giao Đức ở Tokyo, đã cung cấp cho ông các đồ vật Nhật Bản trước khi bản thân ông du lịch tới vùng Viễn Đông vào năm 1880.

Trong khi đó, William Walters đã biến tòa biệt thự ở Baltimore của ông thành một bảo tàng tư nhân. Là một người có niềm tin vào việc chia sẻ lợi ích, ông đã mở cửa bảo tàng ở nhà của mình cho công chúng 3 ngày mỗi tuần vào mùa xuân, thu 50 cent một khách và chuyển toàn bộ tiền thu được vào các quỹ từ thiện. Tới năm 1884, gia sản nghệ thuật Phương Tây và Châu Á của ông đã phát triển tới mức ông buộc phải hy sinh phòng ăn của mình để trưng bày các vật từ châu Á và xây một nhà trưng bày độc lập đằng sau biệt thự của mình (14). Tới giờ, ông đã sở hữu 1400 vật phẩm đồ sứ và chai lọ Trung Quốc, 400 đồ sứ đặc thù Nhật Bản, 500 tác phẩm sơn mài, trong đó có rất nhiều inro; 500 tác phẩm ngà, bao gồm *netsuke*, 200 vật phẩm đồng thau, và 1300 các vật phẩm khác như gương, khiên và những đồ dùng liên quan, các đồ vật bằng đồng thau và hợp kim.

Cùng lúc với việc mở cửa phòng trưng bày và bảo tàng tại nhà của ông vào năm 1884, Walters đã in một cuốn sổ tay nhỏ với bìa nâu được làm nổi bằng vàng với tựa đề “Oriental” (Phương Đông)³. Cuốn sách này được sử dụng như một cuốn hướng dẫn hữu ích cho việc sưu tập và là một công cụ tham chiếu. Cuốn sổ này nghiên cứu rất nhiều khía cạnh của nghệ thuật Châu Á và là những tóm tắt ngắn gọn về lịch sử đồ sứ Châu Âu từ xưa tới thế kỷ 18. Trong lời giới thiệu của ông, Walters đã “trao phần thưởng” cho Trung Quốc vì đồ gốm cổ của họ, nhưng ông vẫn viết rằng “người Nhật là bậc thầy về các tác phẩm hiện đại”.



12. Cốc có chân của Gen-o Nhật Bản, Thời Minh Trị, vào khoảng năm 1876, bạc, tráng vàng và cloisonné, chiều cao 16,2 cm. Bộ sưu tập của Walters Art Museum (44.513)

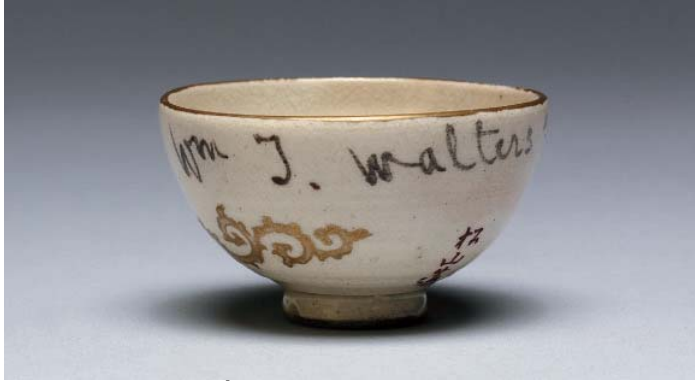
³ *Oriental collection của W.T.Walters, 65 Mount Vernon Place, Baltimore, 1884, Baltimore, 1884.*



Ảnh đồ sứ và đồ kim loại Nhật Bản và Trung Quốc trong “Bridge Gallery”, đoạn nối từ biệt thự của William Walters tới nhà trưng bày nghệ thuật đằng sau biệt thự của ông, khoảng năm 1884, bộ sưu tập Walters



13. Đèn treo sáu cạnh được trang trí huân chương lồng ảnh của 6 nhà **Đạo Lão** bất tử, Trung Quốc, Đời Thanh, vua Càn Long, 1736-1795, phủ sứ, chiều cao 20,6 cm. Sưu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Walters



15 Chén sake khắc chữ “Wm T. Walters Esq. 1889” của Okumura Shozan (1841-1905), Nhật Bản, giai đoạn Minh Trị, đất nung trắng men trắng có vàng, chiều cao 5,5 cm. Suu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Walters (49.2405)



16 Lò đốt hương (*koro*) được đỡ bởi 2 con rồng cuốn vào nhau, tác phẩm của Richiku tại Lò Mikawachi, Nhật Bản, thời Edo, thế kỷ 18, đồ sứ Hirado với trang trí nền xanh nước biển, chiều cao 23,8 cm. Suu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Walters



17 Bình ba dây được làm cho bàn của học giả (Bình Hoa Đào), được cho là sản xuất vào thời kỳ Hoàng tử đầu tiên I (1686-1730), Trung Quốc, đời Thanh, Triều Khang Hy, 1662-1722, đồ sứ với lớp men ô-xít đồng, cao 29,2 cm. Suu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Walters (49155)

Nhấn mạnh sự ưa thích đồ sứ đơn sắc Trung Quốc, ông ca ngợi đặc biệt những màu *sang-de-boeuf* (một loại màu đỏ), san hô và đào, và tán dương với những đồ “*chou*” trong đó độ trắng “vượt qua độ trắng của tuyết và tiếng vang của nó ai oán hơn tiếng con gió lùa qua những cây sậy trong một ngày không nắng”. Hầu hết bản hướng dẫn được viết từ những ghi chép và chất lọc của những văn bản trước đó, được dịch một phần bởi Henry Walters, bắt đầu với bản miêu tả trước đó của Jesuit Pere d’Entrecolles (1664-1741) về việc sản xuất đồ sứ Trung Quốc, sau đó là trích đoạn từ những nguồn xuất hiện muộn hơn như nghiên cứu của Stanislas Julien về nhà máy hoàng gia ở Jingdezhen và tác phẩm của Ngài Augustus Wolaston Frank bao gồm danh mục bộ sưu tập của bản thân ông vào năm 1876 (bây giờ ở Bảo tàng Anh Quốc)⁴.

Sau năm 1884, Walters tiếp tục mở rộng bộ sưu tập, nhưng thay vì tham gia vào Triển Lãm Quốc tế (Exposition Universelle) năm 1889, ông đã gửi con trai mình đi. Henry trở về với 2 chiếc cốc làm từ đất nung được đánh dấu sở hữu với những chữ viết tắt của William và Henry,

⁴ Danh mục bộ Sưu tập đồ chài lọ và sứ phương đông được thuê nhằm trưng bày và được miêu tả bởi Augustus W. Franks, FRS, FSA, Luân Đôn, 1876.

và cái bát thứ ba được khắc “Wm. T. Walters Esq. 1889”. Chúng được ký bởi Okunuma Shozan (1841-1905) ở Kyoto (15). Tương tự, ở Triển Lãm Quốc tế Columbia ở Chicago năm 1893, Henry đã đại diện cho người cha của ông- đang bị ốm vào lúc bảy giờ, mua về sản phẩm đại biểu cho đồ sứ đặc thù của Hirado, một lĩnh vực mà bộ sưu tập thực sự xuất sắc (16).

Bối rối lớn nhất của William Walters đặt ông đứng giữa một tình huống hỗn độn với công chúng xảy ra vào năm 1886, khi trong tình trạng không tỉnh táo, ông đã trả một mức giá đáng kinh ngạc là 18000 USD cho một bình sứ nhỏ (17). Chủ sở hữu trước của chiếc bình, Mary Jane Morgan, đã qua đời, đã có chuyến đi mua hàng dài 7 năm để tìm mua lan, kim cương và tác phẩm nghệ thuật sau khi chồng bà mất vào năm 1878. Trong danh mục rất nhiều sản phẩm đấu giá tài sản, Thomas E. Kirby thuộc Hiệp hội Nghệ thuật Mỹ, miêu tả chiếc bình là “hoàn hảo về hình dáng, màu sắc và chi tiết”, và bắt nguồn từ bộ sưu tập của “I Wang-ye, một hoàng tử” (Mandarin prince). Ông cũng nhấn mạnh rằng chiếc bình có “danh tiếng trên thế giới là sản phẩm hoàn thiện nhất trên thế giới thuộc loại này còn tồn tại”. Được biết đến như “Chiếc bình Hoa Đào Morgan”, vật này có sự khác biệt bởi tính tinh tế của nó, lớp men hồng điểm nhiều màu và bởi những chiếc vòng được đưa lên quanh cổ bình. Báo chí đã phân rẽ sâu sắc về sự kiện độc đáo này: Charles A. Dana, chủ sở hữu tờ *New York Sun* và bản thân là một nhà sưu tập đồ sứ đã bảo vệ chiếc bình một cách vững chắc, trong khi *New York Times* đã xuất bản một bài xã luận chỉ trích châm biếm chua cay vụ mua hàng và đặt ra câu hỏi về đạo đức của người mua, người có thể nuông chiều một sự phù phiếm như vậy khi mọi người đang đói kém.

Đóng góp cuối cùng của William Walters cho việc nghiên cứu và ngợi ca nghệ thuật Châu Á là tác phẩm *Oriental Ceramic art: Illustrated by Examples from the Collection of W.T.Walters*⁵ (Nghệ thuật Gốm Phương Đông: Minh họa bằng các Ví dụ từ Bộ sưu tập của W.T.Walters). Tác giả, Stephen W. Bushell, một bác sĩ trong 25 năm ở tòa công sứ Anh ở Bắc Kinh, có hai lợi thế so với những học giả trước đó; là một nhà Hán học, ông có thể tiếp cận các tài liệu Trung Quốc nguyên bản và ông có lợi thế từ đã đến thăm các bộ sưu tập tư nhân Trung Quốc. Những minh họa, đặc biệt là 116 bản in đá nhiều màu được in bởi Louis Prang (1844-1908) ở Boston, đã biểu hiện được đặc thù độc đáo của dự án xuất bản này. Prang cũng rất quan tâm tới việc nắm bắt những sắc thái phức tạp của màu sắc tới mức ông đã dùng tới 32 viên đá cho mỗi mặt đá. Những hình ảnh quy mô lớn này, giờ đây được coi là thành quả chính yếu trong lịch sử in thạch bản, đã được đóng khung màu vàng của đế vương và được gắn liền trong những chiếc cặp bìa cứng được bao bởi hoa hồng xanh được dệt với các chữ cái Trung Quốc (18). Những bản in đã dựa trên màu nước được vẽ bởi James Callowhill (1838-1917) và gia đình ông. Vì dự án này, các nghệ sĩ đã tốn tới 7 năm ở nhà Walters. Những bức tranh chính xác tới mức bản thân những tòa nhà dọc con phố có thể được thấy rõ trong ánh sáng phản chiếu trên bề mặt của đồ sứ. Công trình to lớn này phải đến năm 1897 mới được hoàn thành, 3 năm sau khi William Walter mất. Việc xuất bản các tập bằng văn bản vào năm 1899 đã đóng vai trò như *terminus ante quem* (ngày cuối cùng có thể được chấp nhận) nhằm quyết định thời điểm những đồ gốm được trích dẫn được đưa vào bộ sưu tập.

Người ta không biết về nguồn gốc của một ấm trà đặc biệt đẹp thuộc loại mà trước đây được gọi là Gu Yue Xuan (Rạp Trắng Già) ngoài việc nó được đưa vào trong bộ sưu tập vào trước năm 1899 (19). Nó có dấu của hoàng đế Yongzheng (1723-1735) và trên thực tế giống một chiếc ấm khác ở Bảo tàng Cung điện Quốc gia, Đài Loan. Phía trên một nền trắng sữa rục rở,

⁵ *Oriental Ceramic art: Illustrated by Examples from the Collection of W.T.Walters*, với 116 Bản có màu và hơn 400 bản in lại không màu Đen trắng-bản văn và ghi chú của S.W. Bushell, M.D, Bác sĩ của tòa Công sứ H.B.M, Peking, New York, 1897; *Oriental Ceramic Art: Collection of W.T.Walters*, chỉnh sửa văn bản gắn liền với tác phẩm hoàn thiện, New York, 1899.

hai ô phong cảnh đã được vẽ trên nền men phủ màu xanh nước biển. Những hoa văn đó đi cùng với một nửa khổ thơ được khắc màu đen với nội dung “một mái nhà tranh phả khói ra xa về phía hòn đảo nhỏ phía Bắc” ở một bên và “Tiếng vọng ngược về của những ngọn núi phía Nam”⁶. Đặc biệt hiếm trong giai đoạn này là trang trí ngàn hoa sắc sỡ trên nắp và các dải vòng quanh đỉnh và đáy của ấm trà. Nó cũng được tạo thành từ rất nhiều bong hoa và chồi lộc trong lớp men trắng ngoài. Đồ sứ này, giờ đây được miêu tả là *falang cai* (tác phẩm nước ngoài), đã phản ánh được phản ứng của những nhà làm gốm Trung Quốc đối với sản phẩm tráng men nhập khẩu của Châu Âu.

Với vai trò là người sưu tập tiên phong đối với nghệ thuật Châu Á, William Walters thuộc vào nhóm những cá nhân như Charles Stewart Smith (1832-1900) và George Walker Vincent Smith (1833-1922) những người mà gia tài của họ cuối cùng đã trở thành các tổ chức công cộng ở New York, và Springfield, Massachusetts, và kể cả với Thomas E. Waggaman ở Washington, DC, người đã công nhận rằng ông đã được truyền cảm bởi bộ sưu tập của Walters⁷, và với Tướng Brayton Ives (1840-1914), cựu chủ tịch Sàn giao dịch Chứng khoán New York. Những nhà sưu tập đầu tiên này của nghệ thuật Châu Á chưa bao giờ đi đến vùng Viễn Đông, nhưng thay vì đó dựa vào những nhà buôn và những triển lãm quốc tế. Thế hệ tiếp theo của những nhà sưu tập, đặc biệt là những người ở Boston, đều có lợi từ việc du lịch hoặc sinh sống ở khu vực Viễn Đông; những người này bao gồm Edward Sylvester Morse (1838-1925), Ernest F. Fenollosa (1858-1908), William Sturgis Bigelow (1850-1923) và Isabella Steward Gardner (1840- 1924) cũng như Charles Lang Freer (1854-1919), người thành lập bảo tàng mang tên ông ở Washington, DC.



20 Bát với trang trí hoa cúc (chrysanthemum) từ phòng trưng bày của Namikawa Sokuke (1847-1910), Nhật Bản, thời Minh Trị, bạc, tráng *plique-à-jour*, chiều cao 11,8 cm. Sưu tập của Bảo tàng Nghệ Thuật Walters (44.546)

⁶ Dịch bởi Bushell, op. cit., trang 60. Những con dấu đi cùng có ghi “Những con sông thì dài” và “Những ngọn đồi thì cao”

⁷ Thomas E. Waggaman, Lời nói đầu, Danh mục bộ sưu tập các vật phẩm nghệ thuật phương Đông thuộc về Thomas E. Waggaman ở Washington, DC, New York, 1986, trang 3.

Henry Walters và Thế hệ Thứ hai của Các nhà sưu tập Mỹ

Henry Walters 46 tuổi khi ông được thừa hưởng bộ sưu tập, một trách nhiệm mà ông đã theo đuổi kể từ thời trẻ. Được đào tạo toa điện và sành sỏi hơn rất nhiều so với William, người tự mình mày mò nghiên cứu, tham vọng của Henry với vai trò là một nhà sưu tập lớn hơn của cha mình rất nhiều. Là chủ tịch của tuyến đường sắt Duyên hải Atlantic (Atlantic Coast Line), đường ray chính phục vụ khu vực Đông Nam và miền Trung của đất nước, ông có các nguồn lực tài chính lớn hơn nhờ đó có thể đạt được những mục tiêu của mình. Vốn tính kín đáo, Henry không bao giờ để lộ dự định của mình cho công chúng, và ông thậm chí còn kín đáo hơn nhiều trong việc bảo vệ sự riêng tư của mình trong những vấn đề liên quan tới giá cả và nguồn gốc của vật thể. Mặc dù chưa bao giờ tuyên bố, dường như ngay từ đầu Henry đã dự định xây dựng một bộ sưu tập bách khoa của mình mà cuối cùng có thể làm thành cơ sở cho một bảo tàng công cộng. Điều vẫn chưa từng xảy ra trên thế giới trong 5 thiên niên kỷ nỗ lực của các nghệ sỹ.

Sự tò mò của công chúng Baltimore chắc hẳn đã phải được khuấy động vào năm 1900 khi báo chí thông báo rằng Henry, giờ sống ở New York, đã mua một vài bất động sản liền kề đằng sau ngôi nhà của cha ông ở Baltimore. Việc ông mua bộ sưu tập của Don Marchello Massareti về Roma cổ xưa và các bức tranh Baroque và thời kỳ phục hưng vào năm 1902 đã tạo ra nhu cầu xây dựng một tòa nhà mới, được hoàn thành 7 năm sau đó trên khu đất này. Ngoại thất của tòa nhà hai tầng, phòng trưng bày phong cách Phục hưng (3, xem Lời nói đầu của Giám đốc), mĩ mai thay, được thiết kế theo *hôtel* giống như vậy ở *The Rue Trochet*, Paris, nơi cha mẹ ông đã đến thăm hơn một nửa thế kỷ trước đó để xem bộ sưu tập của Pourtales về nghệ thuật Châu Á và Châu Âu.

Trong hơn 37 năm, Henry Walters đã bỏ sung ít nhất là 2000 mẫu vật nghệ thuật Châu Á vào bộ sưu tập. Ông thường đi ra nước ngoài vào các mùa xuân, dạo qua các cửa hàng ở Paris và đôi khi là London. New York, vào thời điểm đó, đã cung cấp cơ hội để mua tác phẩm nghệ thuật Châu Á do những người bán buôn đã mở những cửa hàng hoặc bán đồ gốm sứ đặc thù tại các buổi đấu giá. Giống như cha ông, Henry tham gia vào những triển lãm quốc tế chính, mặc dù ông phân biệt đối xử hơn cha mình trong việc sưu tập những vật cá biệt. Ông tương đối bảo thủ trong sở thích của mình, khinh bỉ hầu hết các bức tranh phương Tây đương thời, nhưng ông đã thể hiện một sở thích tương đối tiên phong trong nghệ thuật trang trí, bất kể là Châu Á hay châu Âu.

Những tài liệu nhỏ còn lại chỉ ra rằng Henry, trong việc lựa chọn những tác phẩm trong bộ sưu tập của mình, ban đầu dựa vào sở thích riêng và bản năng của ông hoặc lấy lời khuyên của một số nhà buôn được tin cậy. Nếu có một người được xác định là người tư vấn cho ông, đó chắc hẳn là bạn của cha ông, William M. Laffan (1848-1909). Henry và Laffan có thể đã gặp nhau vào khoảng năm 1870 khi nhà báo sinh ra ở Ireland và chuyên gia nghệ thuật chuyển tới Baltimore để trở thành biên tập tờ báo của thành phố, tờ *Evening Bulletin*. Bảy năm sau đó, Laffan trở thành nhân viên của tờ *New York Sun* và rút cục đã tiếp nối Charles Dana để trở chủ tòa báo. Ông bảo vệ một cách mãnh liệt việc William Walter mua “Chiếc bình Hoa Đào Mary Morgan” năm 1886 và trở thành bạn tâm tình thân thiết của Henry, theo ông đến Rome để mua bộ sưu tập Massareti vào năm 1902. Mặc dù ông chủ yếu làm việc cho Henry như người tư vấn các bức tranh Châu Âu, đam mê cá nhân của Laffan giành cho đồ sứ Trung Quốc, một lĩnh vực mà ông đã được đánh giá là chuyên gia. Ông cung cấp lời nói đầu cho danh mục của Bushell đối với đồ gốm sứ của Walters và cũng hợp tác với chuyên gia người Anh này trong việc xuất bản bộ sưu tập đồ sứ James A. Garland mà J.P.Morgan đã tặng cho Bảo tàng Nghệ thuật Thành phố vào năm 1902.

Trong những lần đi du lịch vào năm 1900, Henry Walters đã mua một vài vật phẩm chính từ Tiffany&Co., The House of Faberge, và công ty Christofle, nhưng ông cũng sưu tập một vài mẫu vật quan trọng tương tự về nghệ thuật Châu Á. Việc mua hàng của ông ở Triển lãm Paris bao gồm một thanh gương dùng trong lễ hội, một vài đồ ngà, một vài đồ ngọc bích Trung Quốc và một kiệt tác được tráng men đục: một cái cung từ phòng trưng bày của Namikawa Sosuke (1847- 1910). Thay vì được làm trên một khung dây như hầu hết đồ tráng men *plique-à-jour*, chiếc cung bạc được đúc hoặc khoét với một thiết kế có khoảng trống giữa các thanh hoàn toàn tinh tế của các đóa hoa cúc nổi và những con sóng được cách điệu, trong đó những khoảng trống được lấp đầy với lớp tráng mờ.(20)

Vào Hội chợ Quốc tế tiếp theo, Triển lãm Mua Louisiana được tổ chức ở St. Luise vào năm 1904, Henry lại rất nhiệt tình trong việc thu thập các tác phẩm đương đại. Triển lãm quốc tế này không còn là cơ hội công bằng cho các quốc gia trưng bày vật phẩm của mình nữa, mà giờ đây cung cấp những cơ hội cho những nghệ sĩ cạnh tranh với nhau nhằm đoạt giải. Henry có vinh dự mua một vài trong số những tác phẩm nổi bật của triển lãm, bao gồm bản đúc đầu tiên của Auguste Rodin "*the thinker*" khi đến Mỹ, một số kiệt tác của Nghệ thuật trang sức Nouveau do Rene Lalique và một số tác phẩm đoạt giải của các nghệ nhân người Nhật. Những tác phẩm này bao gồm một lọ hoa sứ có cây mận và mẫu chim sơn ca của Miyakawa Kozan (1842-1916), một bình đựng cốt đồng lớn của Okazaki Sessei và, với một mức giá cao là 6000 USD, một thảm thêu lụa được dệt trong hội thảo của Kawashima Jimbei II, chủ tịch của một công ty dệt đã được thành lập ở Kyoto vào năm 1834 (21). Năm 1886, Kawashima Jimbei II đã thăm xưởng sản xuất Gobelins ở Pháp nơi ông đã học được cách kết hợp những bức tranh của nghệ sĩ vào các thiết kế dệt.



21. Thảm thêu cuộc xâm lược của quân Mông cổ từ hội thảo của Kawashima Jimbei II (1853-1910), Nhật Bản, thời Minh Trị, lụa, chiều cao 264.8 cm. Suu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Walters



22 Bát được thiết kế bởi Yabu Meizan (1853-1934), Nhật Bản, thời Minh Trị, đồ bằng đá với lớp tráng sứ ngoài và vàng, đường kính 19 cm. Suu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Walters (49.2280)

Trong trường hợp này, việc sáng tác bắt nguồn từ một tác phẩm của Morizumo Yugyo (1854-1927). Được miêu tả trong thảm thêu là trận chiến vào thế kỷ 13, trong đó Kikuchi daimyo, sáng chói lợi trong bộ áo giáp thời kỳ Kamakura và được đẩy bởi một cơn cuồng phong bất ngờ hay một *kamikaze*, đã đẩy lùi một cách thành công quân Mông cổ của Kublai Khan (1260-1290). Trong tác phẩm này, tấm thảm thêu cùng với phong cách phối cảnh xa gần của phương Tây, phản ánh việc vẽ tranh chiến trận của Châu Âu như *Scotland Forever (1881)* của Lady Elizabeth Butler và *The Charge of the Light Brigade (1895)* của Richard Caton Woodville, đã trở nên phổ biến thông qua các bản khắc chạm. Với sự tham gia của Nhật Bản vào cuộc chiến Nga- Nhật năm 1904, tấm thảm thêu chắc hẳn đã phải tác động tới lòng yêu nước.

Trình độ kỹ thuật điêu luyện phi thường của các nghệ sĩ Minh Trị được minh chứng bằng một chiếc bát phong cách Satsuma cũng được mua ở St. Louis năm 1904. Nó có con dấu của Yabu Meizan (1853-1934), một nhà trang trí đồ đá từ Osaka (22). Được vẽ ở bên ngoài bằng vàng và rất nhiều màu khác của men là người phụ nữ nhỏ tham gia vào vô số các hoạt động bao gồm nhảy, vẽ, khâu chỉ, đọc sách, chơi bài và bịt mắt bắt dê, và cắm hoa. Sự chú ý tương tự được trao cho các ô có hoa gần đây của nó và bên trong chiếc bát có một dãy hoa.

Thị trường nổi lên đối với nghệ thuật Châu Á tại Mỹ trong bối cảnh cuối thế kỷ 10 đã hấp dẫn 2 cá nhân từ Nhật Bản, những người sẽ trở thành người cung cấp hàng hóa chủ chốt trong lĩnh vực này. Bunkio Matsuki (1867-1912), một cựu giáo sĩ Phật giáo đến từ Kyoto, nhập cư vào Mỹ năm 1882, đến Boston chỉ với 67 USD trong túi. Sáu năm sau, ông tốt nghiệp, cưới một người Mỹ và mở một gian hàng Nhật Bản trong một cửa hàng trên khu phố thời thượng Boylston Street. Cũng trên con phố này, Yamanaka Sadajiro (1866-1936) đã thành lập một cửa hàng vào năm 1899⁸. Người thừa kế được lựa chọn của cửa hàng bán đồ cổ quốc tế có trụ sở ở Osaka, ông đến Vancouver với người anh em (khác cha hoặc khác mẹ) của mình 4 năm sau, mang theo số hàng hóa trị giá 50.000 Yên. Những người anh em đã sử dụng số tiền này để mở cửa hàng đầu tiên của họ ở New York trước khi mở rộng việc kinh doanh tới Boston. Cả Matsuki và Yamanaka đều nhận ra rằng thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào khách hàng của cửa hàng, họ có thể thu lợi từ việc thỉnh thoảng bán đấu giá đồ của họ ở New York.

Henry Walters dường như chưa từng lui tới Bunkio Matsuki ở Boston, nhưng khi người bán mở một cuộc đấu giá ở New York vào tháng 2/1906, nhà sưu tập đã mua một loạt sản phẩm. Trong số những vật đáng chú ý là một cặp ô cửa gỗ được khắc chạm tinh xảo với các thiết kế kiểu con công và được vẽ bằng màu sáng và vàng. Mặc dù Matsuki không cung cấp nguồn gốc cho những cánh cửa, cặp cửa giống nhau đã xuất hiện trong một lần bán hàng vào năm 1903, lúc đó được cho là đến từ Honnon-ji, một ngôi chùa được xây từ năm 1609 ở tỉnh Kai (quận Yamanashi). Cùng lúc, với việc mua đấu giá với bút danh “Harrison”, ông mua một số lượng mũ bảo vệ, những ví dụ đa dạng của đồ đi cùng với kiếm và một vài bộ giáp. Trong số những vật đáng chú ý của lần mua này là một bộ quần áo gấp lại **với áo giáp sắt** được chạm nổi hình (embossed with a) *kirin*, một sinh vật bảo vệ giống ngựa có vẩy bên ngoài. Người ta nghĩ là nó đã được mặc bởi một *daimyo* (quận trưởng) và bắt nguồn từ giai đoạn Edo⁹. Chiếc mũ bảo hiểm, tuy nhiên, được tạo ra muộn hơn và có thể chỉ nhằm phục vụ những mục tiêu nghi thức (23).

⁸ Thomas Lawton, “Yamanaka Sadajiro: Advocate for Asean Art” (ủng hộ nghệ thuật Châu Á), *Orientalism*, tập 26, số 1, tháng 1 năm 1995, trang 81.

⁹ Terry Hiener thư từ với Kathleem Emerson Dell, 15/2/1991, đã xác định **this suit of armour**.

Trước năm 1908, Henry đã chứng tỏ sự cam kết của ông với đồ gốm lịch sử bằng việc mua một *guan* nhiều màu *lớn* hay chum rượu.¹⁰ Được vẽ trên bề mặt là con cá chép bụ bẫm đang bơi một cách lười nhác giữa những bong bong, hoa sen, dương xỉ nước, bèo tấm và rong lươn (24). *Wucaisang*, hay 5 màu, kỹ thuật làm men bên ngoài, được dùng kết hợp với lớp men bên trong màu xanh, đại diện cho một thành quả chính của những người làm gốm tại nhà máy hoàng gia ở Jingdezhen trong suốt thời kỳ trị vì của vua Jiajing (1521-1566). Tác phẩm tráng lệ này, được lắp đầy bởi bộ trang trí đầy tính hình tượng với mong ước chủ sở hữu có nhiều tiền bạc và thừa thãi là một trong số rất nhiều bình còn lại thuộc loại này.



23. Bộ áo giáp (*gusoku*), Nhật Bản, thời kỳ Edo, cuối thế kỷ 18, sắt, áo giáp, sơn mài và vải, chiều cao 139,7cm. Suu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Walters

¹⁰ Có hai chum rượu như vậy trong bộ sưu tập của Walter, một trong số đó đã được **restored**, nhưng không rõ liệu chúng có được mua cùng một lúc hay không.



24. Chum rượu, Trung Quốc, thời Thanh, triều đại Jiajing, 1522-1566, đồ sứ có lớp men nền màu xanh da trời, và lớp trắng men ngoài, cao 45,1 cm. Suu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Walters.

Mở rộng sự quan tâm của mình, Henry đã có một vụ bỏ thầu thành công để có một mũ đội đầu trong lễ hội mà được cho là đã dệt từ tóc người và đã được đội bởi Manchu Từ Hy thái hậu, người cầm quyền thực sự cuối cùng của triều Thanh (25).¹¹ Nó được bán trong hội chợ Auguste F. Chamot được tổ chức tại New York năm 1907. Chamot, một công dân Pháp, đã là chủ sở hữu của 400 phòng “Hotel de Pekin” ở Bắc Kinh. Ông đã đoán trước được phong trào Nghĩa hòa Đoàn (ở Trung Quốc) năm 1900-1901, và tích trữ tài sản với đủ nguồn cung phục vụ khách hàng của ông trong 78 ngày bị vây hãm. Kinh doanh thất bại trong toàn bộ các dự án sau đó, Chamot, qua đời năm 1090, đã buộc phải bán các tác phẩm nghệ thuật mà ông mua được ở Trung Quốc để trang trải cho cuộc sống. Tại lần bán hàng được kỳ vọng nhiều năm 1907, vật hàng đầu là con dấu vàng được cho là thuộc về người em cuối cùng của Hoàng Đế, chỉ được bán với một giá thất vọng, nhưng một trong những tâm điểm của vụ đấu giá trên trang đầu của *New York Times* là chiếc mũ đội đầu được bán cho một người mua giấu tên với giá 1000 USD. Kể từ đó nó đã được xác định là một loại mũ được đội bởi một Tumut (Một người Mông cổ) hoặc phụ nữ Manchu (25).¹² Gắn liền với một khung dây và lụa được thêu theo kiểu hình thoi là chim phượng hoàng, bướm, đào và một con thuyền trên nền các đám mây được in trên nền bằng vàng với những chiếc lông chim bó cá xanh một cách đáng kinh ngạc. Trang trí bổ sung bao gồm khảm ngọc trai và đá quý.

¹¹ “Chinese Rareties Under the Hammer”, *New York Times*, 17 tháng 3 năm 1907, trang 7.

¹² Martha Boyer, *Mongol Jewellery*, Nationalmusset Skrifter, Etnografisk Roekke, V, Copenhagen, 1953, trang 73.



25. Mũ đội đầu trong nghi lễ, Trung Quốc, thời Thanh, nửa cuối thế kỷ 19, có dây, **lụa**, vàng, **hạt ngọc** và đá quý, chiều cao 18,7cm. Suu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Walters (86.3)



26. Bình đựng nước, Trung Quốc, Đời Thanh, từ năm 1552, được sản xuất cho Jorge Alvarez, đồ sứ, chiều cao 25,4 cm



27. *The storm King in Peace* (vua bão lúc yên bình) của Yamada Chozaburo (1873-1916). Nhật Bản, giai đoạn Minh Trị/Taisho, khoảng năm 1915, sắt, chiều cao 28,5 cm. Suu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Walters (52.158)

Khi di sản của người bạn ông là Lafan năm 1911 bị phân phát, Henry đã mua 24 đồ tráng men ngọc bích và đồ sứ đơn màu, những lĩnh vực mà họ đều quan tâm đặc biệt, nhưng có lẽ vật hiếm nhất trong vụ mua bán này là một bình đựng nước trắng và xanh đời Thanh với cổ loe được làm ở Jingdezhen vào năm 1552 (26). Nó được trang trí bởi hai con lân đang chơi với bóng có dây một cách thích thú. Được sơn từ trên xuống quanh cổ là một dòng chữ Bồ Đào Nha khó để giải mã, viết “JORGE ANRZ N EGEO MAN DOV FAZER/ A ERA DE 1552 REENA (*Jorge Alvares đặt sản xuất vật này vào năm 1552, triều đại [Vua João III]*). Đồ sứ này là một trong 6 vật phẩm còn lại có dòng chữ khắc đó. Alvarez, một thương nhân và nhà thám hiểm, là bạn thân của thầy tu truyền giáo dòng Tên Sain Francis Xavier, người mất vào năm 1552 ở Shangchuan, một hòn đảo được cho là nơi các thương nhân Bồ Đào Nha thực hiện việc buôn bán vào thời điểm đó.

Năm 1915, khi Thế chiến thứ I ngăn cản việc di chuyển ở Châu Âu, Henry Walters đã tham gia **Triển lãm** Quốc Tế Thái Bình Dương Panama ở San Francisco và tập trung vào các tác phẩm của Châu Á. Những tác phẩm nổi bật của Nhật Bản tham gia bao gồm một khu vườn trồng 1300 cây gỗ và 4400 thực vật nhỏ hơn và một ngôi đền dựa vào Kinkaku-ji, Sảnh đường Vàng ở Kyoto, nhưng những tác phẩm của quốc gia này được trưng bày trong “Lâu đài của

những nhà sản xuất”. Phổ biến trong rất nhiều vật ở đây là một xu hướng lưỡng phân đã phát triển trong nghệ thuật trang trí Nhật Bản giữa những nghệ sĩ theo đuổi một cách chặt chẽ truyền thống và những người, đáp lời những phong cách và kỹ thuật phương Tây, nỗ lực để mình sáng tạo hơn.



28. *Condoling Speech of Classmates* tác phẩm của Yamazaki Choun (1867-1954), Nhật Bản, thời Taisho, 1914, chiều cao 76,9 cm. Bộ sưu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Walters.



29. Tranh phong cảnh của Lan Shen (hoạt động vào nửa sau của thế kỷ 19), Trung Quốc, triều Thanh, năm 1659, tranh cuộn treo, mực và màu trên lụa, chiều cao 168,3 cm. Suu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Walters (35,14)

Henry tìm những tác phẩm giành được phần thưởng. Những tác phẩm đoạt huy chương vàng mà ông mua bao gồm một pho tượng được dán nhãn “Vua Bão lúc yên bình”. Đại diện cho thần gió hay *Fujin* đang ôm một túi gió đã được làm xẹp, bức tượng được đúc bằng sắt, một kỹ thuật tài ba **thực sự** đáng ngạc nhiên (27). Người điêu khắc, Yamada Chozaburo (1873-1916) đến từ một gia đình sản xuất vũ khí đã bị buộc phải tìm những nghề nghiệp khác sau khi mang theo vũ khí bị cấm. Một người khác cũng đoạt huy chương vàng là Sobei Kinkosan, người đến từ gia đình có truyền thống làm đồ gốm lâu đời ở Kyoto. Bình sứ trắng của ông được chạm

khắc tinh tế với phong cách cây hoa và được trang trí với những khung mang theo cái nhìn truyền thống về phong cảnh và đền chùa.

Tomiooka Hodo, một trong những người nhận huy chương bạc với tác phẩm *okimono*, hay một pho tượng trang trí nhỏ, đã mang tới một cặp ngà voi được chạm khắc có tựa đề *Rest*, chỉ một người câu cá và một người mẹ cùng đưa con nhỏ khắc một cách vô cùng tự nhiên. Sự chân thực tương tự cũng xuất hiện trong tác phẩm điêu khắc khác được mua vào thời điểm này, một pho tượng gỗ một nữ sinh được đặt tên một cách bí ẩn *Condoling Speech of Classmates* (lời chia buồn với bạn cùng lớp) được khắc bởi Yamazaki Choun (1867-1954) (28), một trong những nghệ sĩ tiên bộ nhất vào thời điểm đó. Được miêu tả một cách trung thành là những chi tiết như đồng phục nhà trường của cô gái, dải ruy băng trên tóc cô, và đôi giày có dây buộc của cô, nhưng cùng lúc, người điêu khắc đã khai thác thớ của gỗ theo phong cách Trung Quốc truyền thống. Mặc dù không nhận được huy chương vàng, việc mua đồ Nhật Bản sáng suốt nhất của Henry Walters có lẽ là một chiếc bình đặc biệt lớn của Itaya Hazan (1872-1963), một thợ điêu khắc chuyển sang làm thợ gốm, người mà vào năm 1954, đã có thể trở thành người làm đồ gốm đầu tiên của Nhật Bản nhận *Bunka Kunsho*, Trật tự của Phẩm chất Văn hóa (The Order of Culture Merit). Chiếc bình của ông được bao bởi lá tre được làm theo kiểu khắc nông với một bề mặt được in màu lên hơn là được tráng men, tạo ra hiệu quả tự nhiên cao.



30. *Gathering Water Chestnuts* của Zhao Deng'ao, 1870, **album leaf**, mực và màu nước trên giấy, chiều cao 38,8 cm. Suu tập của Bảo tàng Nghệ Thuật Walters (35.101.I)



31. *Cong*, Trung Quốc, Thời kỳ đồ đá mới, Văn hóa Liangzhu (khoảng 3500-2000 trước công nguyên), chất Nefrit, chiều cao 16,5 cm. Suu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Walters (42.340)

Do những mối quan hệ căng thẳng nghiêm trọng giữa Trung Quốc và Nhật Bản vào năm 1915, phòng Trung Quốc đã được tách ra khỏi phòng Nhật Bản và được đặt trong “Palace of Varied Industries” (Cung điện hàng Công nghiệp Đa dạng). Lần đầu tiên, Henry Walters tập trung vào tranh Trung Quốc và nỗ lực với thành công khiêm tốn trong việc tập hợp một bộ sưu tập đại biểu. Ông đã mua 64 cuốn sách, cuộn tài liệu cầm tay, và cuộn tranh treo. Một trong những vụ mua hàng khôn ngoan hơn của ông bao gồm một bức tranh cuộn vẽ cảnh núi non cao vút (29) được vẽ bởi Lan Shen (1658-1691), cháu nội của nghệ nhân nổi tiếng Lan Ying (1585-sau 1664). Thay vì vẽ như tổ tiên của mình, Lan Shen đi theo các nghệ sĩ khác đầu đời Thanh trong việc dựa trên phong cách của tranh Northern Song (1127-1279), một cách cẩn thận ghi lại kết cấu của đá và chất lượng của ánh sáng. Dòng chữ được ghi bởi một người đương thời, Chang Tsai, chỉ ra rằng người đàn ông ngồi trên sảnh đường đã cảm động trước quang cảnh các ngọn núi uốn lượn và chọc thẳng lên trời, những cái cây phát triển lớn và dày, và những con suối lượn vòng quanh.

Một trong những cuốn sách mà Henry đã chọn là một cuốn album có 16 trang, mỗi thư pháp và bức tranh bởi một nghệ sĩ hàng đầu của Thượng Hải năm 1860. Một trong những bức tranh hấp dẫn nhất là tranh phong cảnh của Zhao Deng'ao về một người phụ nữ trẻ thu thập củ năng trong khi người hầu của cô chèo thuyền thúng quanh hồ phía dưới một cảnh cây to không có lá. Sự yên bình của phong cảnh bị cắt ngang chỉ bởi tiếng nói chuyện của một chú chim non sà xuống mặt nước thu hút sự chú ý của người phụ nữ trẻ một chốc lát (30).

Cơ hội tiếp theo của Henry Walters nhằm nâng cấp và đa dạng hóa gia tài Trung Quốc của ông đã đến vào năm 1916 tại hội chợ ở New York bán một bộ sưu tập của Tiến sĩ John Calvin Ferguson (1865-1945). Ngay từ năm 1887, Ferguson đã đến Trung Quốc, nơi ông trở nên hoàn toàn thâm nhập vào xã hội Trung Quốc và nắm giữ một vài vị trí trong chính quyền. Khi cuộc đấu giá được tổ chức, ông đang làm việc như một cố vấn cho bộ ngoại giao của Đảng Cộng

hòa. Walter đã nắm bắt cơ hội này để mua nhiều hơn các bức tranh, đồ đồng thau, một ít đồ gốm, và 12 đồ ngọc bích được chạm khắc. Những sản phẩm từ ngọc bích này bao gồm một *cong nghi lễ*(31) được cho là thuộc nền văn hóa Liangzhu thời kỳ đồ đá mới (3500 – 2000 trước công nguyên). Đó về cơ bản là một khối đá hình chữ nhật với bên trong rỗng theo hình ống và các khoang ngang phía ngoài. Đến từ cùng nền văn hóa, Walters cũng mua được một *bi*, một đĩa được đục lỗ. Những sản phẩm ngọc bích ban đầu này, là chất Nefrit, đã được khai quật từ những lăng mộ.



(32) Bodhisattva Guanyin từ quận Yunnan, Trung Quốc, triều Song, thế kỷ 9-11, đồng **gilt**, chiều cao 43,5cm. Bộ sưu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Walters (54.1345)



(33) Phật từ tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc, đời Sui hoặc Tang, 610-630, được sơn mài trên gỗ, chiều cao 105.4 cm. Bộ sưu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Walters (25.9)

Trong những năm sau, Henry Walters ngày càng dựa vào Yamanaka & Công ty ở New York. Ông cũng tập trung vào nghệ thuật Trung Quốc hơn là nghệ thuật Nhật Bản, tìm kiếm những tác phẩm có tầm quan trọng về mặt lịch sử, đặc biệt trong lĩnh vực điêu khắc Phật giáo. Năm 1917, công ty đã cung cấp một pho tượng Bodhisattva Guanyin đồng thau mạ vàng, người đã được thờ cúng vào thời Nanzhao, quận Yunnan trong suốt giai đoạn thế kỷ thứ 7 (32). Pho tượng, được làm từ thế kỷ 9 đến 11, có một vại nước thiêng và cảnh liểu để vẩy nước thánh; ở mũ trên đầu pho tượng là hình ảnh Amitabha, Phật của Thiên đường phương Tây. Thứ mà Walter mua được từ Yamanaka 3 năm sau đó thậm chí còn ngoạn mục hơn. Chúng bao gồm một pho tượng cuối thế kỷ thứ 6 cao gần 200 cm của một Bồ Tát đứng, có lẽ là Guanyin, mặc như một hoàng tử, có lẽ đến từ một lăng mộ được biết đến như “Đền của Phật đá” ở Yungang, quận Shanxi.¹³ Cùng lúc đó, Henry Walters đã mua một pho tượng Phật ngồi có kích cỡ lớn hơn người trong một tư thế trầm ngâm, được cho là đã được lấy từ một ngôi đền được xây năm 568 ở Chengting, Hà Bắc (33). Do tay của tượng đã bị gãy, không thể biết được liệu pho tượng này đại diện cho Phật Sakyamuni hay, có lẽ là Amitabha, Phật của người phương Tây. Pho tượng được khắc chạm từ 12 mảnh gỗ và được sơn mài một cách cẩn cù 5 lần trước khi được sơn; đôi mắt có màu đen và trắng và vải quanh người, chảy một cách duyên dáng, những nếp gấp được cách điệu hóa, có màu đỏ. Năm tượng được làm là 610-630, ngay sau khi vua Wen

¹³ H.W.Woodward, *Nghệ thuật Châu Á*, Số 8, trang 22-23

của triều Sui bắt đầu thúc đẩy đạo phật, đã được khắc trên tượng, khiến nó trở thành tác phẩm điêu khắc gỗ lâu đời nhất loại này còn đến ngày nay.

Nhìn lại, Henry Walters đã thận trọng hơn cha của mình trong việc mua tác phẩm nghệ thuật Châu Á, chiếm chỉ một phần trong kho tàng của ông bao gồm hơn 22000 tác phẩm. Ông ít quan tâm đến kích cỡ của bộ sưu tập hơn so với quy mô của nó, và những thành tựu của ông nên được đo đạc trên cơ sở những đồ vật có trên thị trường phương Tây vào thời đại của ông. Năm 1931, ba năm sau khi ông mất, Phòng triển lãm Nghệ Thuật Walters đã mở cửa như một bảo tàng công cộng. Những nỗ lực khiêm tốn đã được thực hiện nhằm tăng cường những tác phẩm trong những giai đoạn lịch sử sớm hơn, nhưng việc mua hàng lại bị hạn chế vì vấn đề tài chính. Chỉ tới năm 1986 thì một người phụ trách làm việc toàn thời gian mới được chỉ định cho nghệ thuật Châu Á. Thông qua các quà tặng và việc mua hàng, Hiram W. Woodward, Jr, chịu trách nhiệm mở rộng bộ sưu tập đối với nghệ thuật Ấn Độ, Himalayas và Đông Nam Á, những lĩnh vực mà cả William và Henry đều chưa tiếp cận được. Một tòa nhà độc lập liền kề bảo tàng, được gọi là “Nhà Hacerman” đã được sử dụng cho bộ sưu tập Châu Á vào năm 1991. Sức chứa của nó đã bị vượt qua từ lâu và giờ đây, người ta đang xem xét những phòng trưng bày tham vọng hơn.